

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 09- 8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Thanh Sơn.

+ Bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử ngày 01/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thế Đ; sinh ngày 03/4/1997; nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế T và bà Trần Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày 13/4/2019 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 20/2019/HSST-QĐTG ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

2. Phạm Đình T; sinh ngày 20/3/1996; nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Đ (đã chết) và bà Đàm Thị O; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo

Quyết định tạm giam số 21/2019/HSST-QĐTG ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

*. *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình T:* Bà Ngô Thị L. Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình: Số 17, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt).

- *Bị hại:*

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị V, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Quốc Tr, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Trương Thị H, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Ông Phạm Xuân Ch, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phạm Thế A, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Lê Đức A, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi tạm trú: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Trường X, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Tổng Văn V, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

+ Ông Vũ Viết H, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ NLC1. (Vắng mặt).

+ NLC2. (Có mặt)

+ NLC3. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thế Đ và Phạm Đình T có mối quan hệ quen biết và cùng làm phụ hồ cho một chủ thầu xây dựng. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/4/2019 đến ngày 09/4/2019, Đ và T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Tam Điệp. Đ thực hiện 06 lần, trong đó có 03 lần Đ thực hiện cùng T, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/4/2019, Phạm Thế Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JUPITER, biển kiểm soát 35N6-3826 (xe mô tô Đ mượn của anh Phạm Văn H để đi làm) từ chỗ làm đến Tổ A phường T, thành phố T, thấy cửa nhà gia đình bà Lê Thị N mở. Lúc này bà N đang ở khu bếp nấu cơm, Đ vào nhà đi lên phòng ngủ trên tầng 2 lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen của bà N để ở giường ngủ. Sau khi lấy được điện thoại, Đ tháo vút bỏ sim trên đường đi rồi mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Đức Anh Luxury Mobile” bán cho chủ cửa hàng là anh Lê Đức A với giá 1.600.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S là 4.549.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 07 giờ ngày 04/4/2019 Phạm Thế Đ rủ Phạm Đình T lên địa bàn thành phố Tam Điệp thấy nhà dân nào mở cửa thì T ở ngoài cảnh giới, còn Đ vào nhà dân tìm lấy trộm điện thoại di động để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài cá nhân. T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 chở Phạm Thế Đ đi từ nhà T đến đoạn đường thuộc Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; thấy cửa cổng và cửa nhà gia đình chị Trần Thị V mở. T dừng xe ở ngoài cảnh giới; còn Đ đi vào nhà chị Vân. Lúc này chị V không có ở nhà, Đ vào phòng khách lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Y7 PRO, màu vàng đồng của chị V để trên sập gỗ. Sau khi lấy được điện thoại, Đ tháo vút bỏ sim trên đường đi và cùng T mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Xuân Mobile” bán cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Trường X với giá 1.100.000 đồng. Đ và T chia nhau mỗi người 550.000 đồng. Đ đã tiêu sài hết số tiền có được từ bán điện thoại được chia.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Y7 PRO là 3.315.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 07/4/2019, Phạm Thế Đ tiếp tục rủ Phạm Đình T đi lên thành phố Tam Điệp trộm cắp điện thoại di động. T đồng ý và tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 chở Phạm Thế Đ đi từ nhà đến đoạn đường thuộc thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, thấy cửa nhà gia đình anh Hoàng Quốc Tr mở. T dừng xe ở ngoài cảnh giới; còn Đ đi vào nhà anh Tr. Anh Tr đang ở khu bếp nấu cơm, Đ vào phòng ngủ của tầng 1 lấy được 01 được điện thoại di động nhãn hiệu SamSung GALAXY S6, màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen có viền xanh của anh Tr để ở đầu giường. Sau khi lấy được 02 chiếc điện thoại, Đ tháo vút bỏ sim trên đường đi và cùng T mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Vua phụ kiện” bán cho nhân viên của cửa hàng là chị Trần Thị T với giá 1.500.000 đồng. Đ và T chia nhau mỗi người 750.000 đồng, còn điện thoại Mobell, Đ đưa cho T sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung GALAXY S6 là 2.800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell là 190.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 07/4/2019, Phạm Đình T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 chở Phạm Thế Đ đi về. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; thấy cửa nhà gia đình chị Trương Thị H mở. T dừng xe ở ngoài cảnh giới, còn Đ đi vào nhà chị Trương Thị H. Lúc này, chị Trương Thị H đang ở khu bếp nấu cơm, Đ vào phòng ngủ tầng 1 lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của chị Trương Thị H và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng của chị

Hoàng Thu H đang cầm sạc nhờ ở cuối giường tại nhà chị Trương Thị H. Sau khi lấy được 02 điện thoại di động ở nhà chị Trương Thị H, Đ tháo vớt bỏ sim trên đường đi và cùng T đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn C bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S với giá 320.000 đồng rồi chia nhau mỗi người 160.000 đồng. Đ và T tiếp tục đến cửa hàng điện thoại của anh Tống Văn V bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 với giá 250.000 đồng và chia nhau mỗi người 125.000 đồng. Đ đã tiêu sài cá nhân hết số tiền có được từ bán điện thoại trong ngày 07/4/2019.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 là 600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S là 4.000.0000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 10 giờ ngày 09/4/2019 Phạm Thế Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 đi đến đoạn đường thuộc thôn C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình thấy cửa nhà gia đình ông Phạm Xuân Ch mở. Đ mở then cài cổng đi vào nhà ông Ch lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung GALAXY S6, màu vàng, lắp 01 sim của ông Ch để trên mặt của chiếc sập. Sau khi lấy được điện thoại di động của ông Ch, Đ tháo vớt bỏ sim trên đường đi rồi mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Xuân Mobile” bán cho anh Nguyễn Trường X với giá 1.200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung GALAXY S6 là 6.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng gần 11 giờ ngày 09/4/2019, Phạm Thế Đ lại điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 đi đến đoạn đường thuộc thôn B xã Đ, thành phố T thấy cửa nhà của gia đình chị Hoàng Thị T mở. Đ vào phòng khách của nhà chị T lấy được 01 điện thoại di động OPPO A37F, vỏ màu đồng, sim 1 số 0973155937, sim 2 số 0865938832 có ốp màu vàng, giữa điện thoại và ốp điện thoại có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150, lắp 01 sim số 0362538237 của chị T để trên mặt kệ để ti vi bỏ vào túi quần rồi ra khỏi nhà chị T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐGD ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận trị giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F là 1.974.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 là 138.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Đ lấy trộm được của chị Hoàng Thị T là 2.312.000 đồng, trong đó có 200.000 tiền Việt Nam đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 09/4/2019, khi Phạm Thế Đ đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 đi trên đường thuộc thôn 3 xã Đông Sơn hướng về Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn để tìm nơi bán điện thoại di động đã lấy được thì bị tổ công tác Công an thành phố Tam Điệp kiểm tra hành chính. Đ khai nhận 03 điện thoại di động gồm 02 điện thoại di động của chị Hoàng Thị T và 01 điện thoại di động SamSung DUOS, màu vàng, ốp màu đen-trắng, phía sau in chữ

CHANEL, lắp sim 1 số 0973397813 và sim 2 số 0947137416 và số tiền 1.470.000 đồng mang theo người là tài sản do Đ lấy trộm được tại nhà người dân ở xã Đ, thành phố T và số tiền có được từ bán 03 điện thoại di động lấy được trong ngày 09/4/2019. Tổ công tác đã thu giữ của Đ 03 điện thoại di động và số tiền 1.470.000 đồng cùng 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826.

Như vậy, theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Điệp kết luận tổng trị giá 09 chiếc điện thoại di động là 23.566.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 23/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo Phạm Thế Đ, Phạm Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thế Đ, Phạm Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Thế Đ áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Đình T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thế Đ từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/4/2019; xử phạt: Bị cáo Phạm Đình T từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/4/2019.

Trong quá trình điều tra, các bị hại là anh Hoàng Quốc Tr, chị Trần Thị V, bà Lê Thị N, chị Hoàng Thị T, chị Trương Thị H, chị Hoàng Thu H, ông Phạm Xuân Ch trình bày về việc bị mất điện thoại di động, đã nhận được tài sản; hiện nay ai không có ý kiến, đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra anh Phạm Thế A, chị Nguyễn Thị L trình bày về việc bị mất điện thoại di động và hiện nay đã nhận lại điện thoại di động và không có ý kiến, đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra, anh Phạm Văn H trình bày: Anh có cho Đ mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 của anh để thuận tiện cho Đ đi làm.

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Bá V trình bày: Chị Trần Thị T là nhân viên của cửa hàng có trao đổi với anh về việc có mua của khách một chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S6 với giá 1.500.000 đồng. Ngày 8/4/2019 có khách đến hỏi mua nên anh đã bán chiếc điện thoại nêu trên.

Trong quá trình điều tra, chị Trần Thị T trình bày: Chị lấy tiền của cửa hàng để mua của một người thanh niên chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S6 với giá 1.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn C, anh Tống Văn V, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Trường X, anh Lê Đức A đều trình bày đã tự nguyện giao nộp vật chứng là điện thoại di động và đã nhận tiền bồi thường nên không có đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra, ông Vũ Viết H trình bày: Ông có bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 mang tên ông cho anh Phạm Văn H với giá 7.000.000 đồng. Sau đó ông đưa đăng ký xe cho anh H.

Trong quá trình điều tra, NLC1 trình bày: Đ và T có làm thuê phụ hồ xây dựng cho anh từ tháng 2/2019 đến đầu tháng 4/2019, mức lương trung bình anh trả là 220.000 đồng/ngày/người.

Tại phiên tòa, NLC2 trình bày: Đ đi làm thuê phụ hồ, bốc xếp, thi thoảng Đ có đưa cho bà khoảng 1.000.000 đồng để đóng góp chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, từ đầu tháng 4/2019 Đ không đưa cho bà khoản tiền nào.

Tại phiên tòa, NLC3 trình bày: T đi làm thuê phụ hồ, thi thoảng T có đưa cho bà khoảng 1.000.000 đồng để phụ giúp gia đình. Tuy nhiên, từ ngày 03/4/2019 đến ngày 09/4/2019 T không đưa cho bà tài sản gì.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình T xác Đ hành vi phạm tội của bị cáo T như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố là đúng và nhất trí với quan điểm tại phiên tòa của Kiểm sát viên. Tuy bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, nhưng trong quá trình điều tra, bị cáo T đã thành khẩn khai báo và đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Mobell và số tiền 1.000.000 đồng chiếm hưởng để khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại. Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, lời khai của

các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tam Điệp; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận:

Trong ngày 03/4/2019 và ngày 09/4/2019, Phạm Thế Đ lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động của bà Lê Thị N; 01 điện thoại di động của ông Phạm Xuân Ch; 02 điện thoại di động và số tiền 200.000 đồng của chị Hoàng Thị T. Tổng trị giá tài sản bị cáo Đ đã chiếm đoạt là 12.861.000 đồng.

Ngày 04/4/2019 và 07/4/2019, Phạm Thế Đ cùng Phạm Đình T lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động của chị Trần Thị V, 02 chiếc điện thoại di động anh Hoàng Quốc Tr, 01 chiếc điện thoại di động chị Trương Thị H và 01 chiếc điện thoại di động chị Hoàng Thu H. Tổng trị giá tài sản bị cáo Đ và bị cáo T đã chiếm đoạt là 10.905.000 đồng

Tổng trị giá tài sản của 06 lần mà Phạm Thế Đ đã trộm cắp được là 23.766.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Như vậy hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo Phạm Thế Đ, Phạm Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thế Đ 06 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Đình T 03 lần cùng Phạm Thế Đ thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Đ và bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bản thân bị cáo Đ có việc làm, có thu nhập phục vụ bản thân và phụ giúp gia đình, không có mục đích lấy việc trộm cắp tài sản bán lấy tiền để làm nguồn sống chính nên hành vi của Đ không có tính chất chuyên nghiệp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Thế Đ: Bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và bà Trần Thị L (mẹ bị cáo Đ) đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Đ gây ra. Bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo và tự thú khai ra những lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trước ngày 09/4/2019 của mình và T khi chưa bị phát hiện. Bị cáo Đ được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ được quy Đ tại điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Đình T: Bị cáo Phạm Đình T đã giao nộp 01 chiếc điện thoại Mobell và số tiền 1.000.000 đồng và đề nghị cơ quan điều tra trả lại cho chị V 1.000.000 đồng và trả lại cho anh Hoàng Quốc Tr 01 chiếc điện thoại Mobell để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Bị cáo thuộc hộ nghèo. Bị cáo T được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân:

Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự gì.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Để đấu tranh phòng và chống tội phạm thì việc truy tố, đưa ra xét xử, buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết. Căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt theo mức độ vai trò của mỗi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm chung.

Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức, vị trí vai trò và trách nhiệm hình sự của từng bị cáo được xác định như sau:

Bị cáo Phạm Thế Đ: Bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo khởi xướng rủ bị cáo T cùng tham gia lấy tài sản của bị hại. Bị cáo Đ là người trực tiếp lấy tài sản của các bị hại.

Đối với bị cáo Phạm Đình T: Bị cáo T là người giúp sức, cảnh giới cho bị cáo Đ lấy tài sản của các bị hại.

Căn cứ vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xác định bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Thị N, anh Hoàng Quốc Tr, chị Trương Thị H, chị Hoàng Thu H, ông Phạm Xuân Ch, chị Hoàng Thị T đã nhận lại điện thoại di động bị mất, không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chiếc điện thoại HUAWEI J7 PRO trị giá 3.315.000 đồng mà bị cáo Phạm Thế Đ và bị cáo Phạm Đình T lấy trộm của chị Trần Thị V: Sau khi mua của Phạm Thế Đ, anh Nguyễn Trường X đã bán cho một khách không biết tên, địa chỉ. Do không thu hồi được nên gia đình của Đ đã bồi thường cho chị Vân số tiền 1.657.500 đồng; chị V cũng đã nhận số tiền 1.000.000 đồng do T đề nghị Cơ quan điều tra trả cho chị V, còn 657.500 đồng chị V không yêu cầu T bồi thường.

Chiếc điện thoại SamSung GALAXY S6 trị giá 2.800.000 đồng mà Đ và T lấy trộm của anh Hoàng Quốc Tr. Sau khi mua của Phạm Thế Đ, chị Trần Thị T đã đưa lại cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Bá V, anh V đã bán chiếc điện thoại này cho một người khách không biết tên, địa chỉ. Do không thu giữ được nên gia đình của bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 1.400.000 đồng cho anh Tr; số tiền 1.400.000 đồng còn lại, anh Tr không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

Đối với 08 sim điện thoại Phạm Thế Đ đã vứt đi không thu hồi được; các bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì.

Anh Lê Đức A đã nhận số tiền 1.600.000 đồng, Nguyễn Văn C đã nhận số tiền 160.000 đồng, anh Tống Văn V đã nhận số tiền 125.000 đồng của gia đình bị cáo Phạm Thế Đ bồi thường. Anh C và anh V không yêu cầu bị cáo Phạm Đình T bồi thường số tiền 160.000 đồng và 150.000 đồng còn lại.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với những chiếc sim của các điện thoại di động Đ lấy được; trước khi bán điện thoại di động, bị cáo Đ đã tháo sim vứt bỏ trên đường đi. Do không xác định được vị trí, địa điểm cụ thể. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp không thu giữ được.

Đối với số tiền 1.470.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Thế Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Th 70.000 đồng; anh Nguyễn Trường X 1.200.000 đồng và 200.000 đồng cho chị Hoàng Thị T.

Bị cáo T giao nộp số tiền 1.000.000 đồng T chiếm hưởng từ việc bán điện thoại di động cùng bị cáo Đ, số tiền này đã bồi thường cho chị Trần Thị V theo đề nghị của bị cáo T.

Bị cáo Phạm Đình T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho anh Hoàng Quốc Tr.

Anh Lê Đức A giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho bà Lê Thị N.

Anh Tống Văn V giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 5; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho chị Trương Thị H.

Anh Nguyễn Văn C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho chị Hoàng Thu H.

Anh Nguyễn Trường X giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung GALAXY S6; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho ông Phạm Xuân Ch.

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Th không biết điện thoại do các bị cáo trộm cắp được mà có; anh Th đã giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel Home phone; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho anh Phạm Thế A.

Bị cáo Phạm Thế Đ giao nộp 01 điện thoại di động SamSung DUOS; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho chị Nguyễn Thị L.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn H cho bị cáo Phạm Thế Đ mượn để đi làm, anh H không biết bị cáo Đ sử dụng xe mô tô để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 35N6-3826 cho anh H là đúng pháp luật.

[8]. Trong vụ án này, các anh Lê Đức A, Nguyễn Trường X, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Bá V, anh Nguyễn Văn C, anh Tống Văn V có hành vi mua điện thoại di động từ bị cáo Phạm Thế Đ nhưng không biết điện thoại do bị cáo Phạm Thế Đ và bị cáo Phạm Đình T trộm cắp được mà có nên anh Lê Đức Anh, anh Nguyễn Trường X, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Bá V, anh Nguyễn Văn C, anh Tống Văn V không vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, trong ngày 09/4/2019 Phạm Thế Đ còn trộm cắp được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel Home phone V1201 có tổng trị giá 380.000 đồng của anh Phạm Thế A rồi mang đi bán cho anh Nguyễn Văn Th được tổng số tiền 70.000 đồng. Sau đó, bị cáo Phạm Thế Đ trộm cắp được 01 điện thoại di động SamSung DUOS, màu vàng, trị giá 1.800.000 đồng của chị Nguyễn Thị L cất giấu theo người để đi bán. Do trị giá tài sản của mỗi lần trộm cắp nêu trên đều dưới 2.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo Phạm Thế Đ không cấu thành tội phạm. Vì vậy, Công an thành phố Tam Điệp đã ra quyết định xử phạt hành chính số 98/QĐ-XPHC ngày 28/5/2019 xử phạt Phạm Thế Đ là đúng pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Đối với bị cáo Phạm Thế Đ: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với bị cáo Phạm Đình T: Tại phiên tòa, bị cáo T có đơn đề nghị xin miễn án phí giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy: bị cáo T thuộc trường hợp cá nhân thuộc hộ nghèo được miễn nộp tiền án phí. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn nộp tiền án phí của bị cáo T, bị cáo T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Thế Đ áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Đình T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thế Đ, bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thế Đ 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 09/4/2019.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 13/4/2019.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Phạm Thế Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Đình T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Tam Điệp: 01 bản.
- Bị cáo: 02 bản;
- Bị hại: 07 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 11 bản;
- Người bào chữa cho bị cáo T: 01 bản.
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng: 03 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Thị Phượng**